TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2023/QĐST- DS	*Đak Đoa, ngày 23 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 23/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Chức vụ: Tổng giám đốc. Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Sử Duy H - Chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch Chư Sê Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gia Lai. Địa chỉ: 749 -751 Hùng V, thị trấn Ch, tỉnh Gia Lai (Theo Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 1798/2022/QĐ-PL ngày 20/7/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín).

- Bị đơn: Ông Trương Công Đ, sinh năm 1970 và bà Lê Thị L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn K, xã Ia P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trương Công Đ, sinh năm 1970 và bà Lê Thị L, sinh năm 1973 (sau đây gọi là bị đơn) thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (sau đây gọi là nguyên đơn) khoản nợ gốc và nợ lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 202025534541/HĐTD ngày 21/7/2020, tính đến ngày 15/6/2023 còn nợ số tiền là 795.741.786 đồng, gồm: Nợ gốc là 550.000.000 đồng, nợ lãi là 245.741.786 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 43.906.194 đồng, lãi quá hạn là 189.096.781 đồng, lãi phạt chậm trả là 12.738.811 đồng).

2. Bị đơn cam kết trả nợ toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho nguyên đơn với tổng số tiền là 795.741.786 đồng, gồm: Nợ gốc là 550.000.000 đồng, nợ lãi là 245.741.786 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 43.906.194 đồng, lãi quá hạn là 189.096.781 đồng, lãi phạt chậm trả là 12.738.811 đồng), chậm nhất đến ngày 15/9/2023.

Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 16/6/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202025534541/HĐTD ngày 21/7/2020.

2.3. Trường hợp bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán nợ cho nguyên đơn như đã cam kết nêu trên thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản bảo đảm do bị đơn thế chấp để thu hồi toàn bộ số tiền nợ chưa trả theo Hợp đồng thế chấp số 575/2020/PGD-CS được công chứng ngày 21/7/2020, gồm:

- Đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 161181 do UBND huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai cấp cho ông Trương Công Đồng và bà Lê Thị Lệ ngày 23/11/2011, thửa đất số 374, tờ bản đồ số 25, diện tích 869,4m^2, địa chỉ thửa đất tại Thôn 10, xã Ia Pết, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai (Qua xem xét thẩm định tại chỗ đất có diện tích 869,4m^2, có giới cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Dũng có kích thước 52 m, phía Tây giáp đường đất có kích thước 56m, phía Nam giáp đất bà Huệ có kích thước 16,4m, phía Bắc giáp đường liên xã có kích thước 15,8m. Tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 xây tường xi măng, mái tôn, nền lác gạch men, có diện tích là 86 m^2; 01 căn nhà tạm, tường 02 bên xi măng, tường trước và sau bằng tôn, nền xi măng, có diện tích là 73 m^2; phía sau nhà đang trồng chanh dây).

- Đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 205879 do UBND huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai cấp cho hộ bà Lê Thị Lệ và ông Trương Công Đồng vào ngày 07/5/2009 (đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông Trương Công Đồng và bà Lê Thị Lệ do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đak Đoa xác nhận ngày 20/7/2020), thửa đất số 326, tờ bản đồ số 25, diện tích 5.927m^2, địa chỉ thửa đất tại Thôn 10, xã Ia Pết, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai (Qua xem xét thẩm định tại chỗ đất có diện tích 5.819,50 m^2, có giới cận như sau: Phía Đông giáp đất số 327 có kích thước 51,52 m + giáp thửa đất số 326a có kích thước 36,11m, phía Tây giáp thửa đất số 246 có kích thước 76,77m, phía Nam giáp thửa đất số 328 có kích thước 75,87 m, phía Bắc giáp thửa đất số 325 có kích thước 43,21m + giáp thửa đất số 324 có kích thước 25,28m. Tài sản trên đất đang trồng cây cà phê, cay mắc ca, cây chanh dây).

2.4. Về án phí:

- Án phí tranh chấp dân sự hòa giải thành là (làm tròn số) là: 17.914.836 đồng. Bị đơn chịu toàn bộ số tiền án phí này.

- Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.560.885 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0009778 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa.

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 17.000.000 đồng. Bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này. Do nguyên đơn đã nộp ứng chi phí xem xét, thẩm

định tại chỗ số tiền trên nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền đã tạm ứng là 17.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa